

DANH SÁCH SINH VIÊN BẠC ĐẠI HỌC KHÓA 2022, 2023, 2024 NHẬN HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH
HỌC KỲ 2, NĂM HỌC 2024 - 2025 (CHÍNH THỨC)

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	ĐTB xét HB (HK2/24-25)	XL HT (HK2/24-25)	XL ĐRL (HK2/24-25)	LOẠI HỌC BỔNG	TIỀN HB/THÁNG (VNĐ)	SỐ THÁNG	TỔNG CỘNG (VNĐ)	NGÀNH
1	22110018	Trần Phạm Quốc Anh	9,84	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Nhóm ngành Toán học, Toán tin, Toán ứng dụng
2	22110038	Trần Thành Đạt	9,8	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Nhóm ngành Toán học, Toán tin, Toán ứng dụng
3	22110049	Đỗ Tiền Hải	9,88	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Nhóm ngành Toán học, Toán tin, Toán ứng dụng
4	22110075	Lê Đăng Phan Huy	9,9	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Nhóm ngành Toán học, Toán tin, Toán ứng dụng
5	22110113	Nguyễn Minh Mẫn	9,58	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Nhóm ngành Toán học, Toán tin, Toán ứng dụng
6	22110129	Trần Thị Kim Ngân	9,75	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Nhóm ngành Toán học, Toán tin, Toán ứng dụng
7	22110144	Hoàng Yên Nhi	9,73	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Nhóm ngành Toán học, Toán tin, Toán ứng dụng
8	22110182	Bùi Huỳnh Xuân Quyên	9,64	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Nhóm ngành Toán học, Toán tin, Toán ứng dụng
9	22110193	Nguyễn Thị Phương Tâm	9,58	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Nhóm ngành Toán học, Toán tin, Toán ứng dụng
10	22110231	Dương Hoàng Ngọc Trâm	9,62	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Nhóm ngành Toán học, Toán tin, Toán ứng dụng
11	22110237	Võ Phát Triển	9,6	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Nhóm ngành Toán học, Toán tin, Toán ứng dụng
12	22120009	Trương Vĩnh An	9,6	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
13	22120160	Bùi Lê Anh Khoa	9,56	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
14	22120186	Huỳnh Tấn Lộc	9,6	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	ĐTB xét HB (HK2/24-25)	XL HT (HK2/24-25)	XL ĐRL (HK2/24-25)	LOẠI HỌC BỔNG	TIỀN HB/THÁNG (VNĐ)	SỐ THÁNG	TỔNG CỘNG (VNĐ)	NGÀNH
15	22120194	Nguyễn Nhật Long	9,44	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
16	22120201	Huỳnh Mẫn	9,51	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
17	22120208	Hoàng Hồ Nhật Minh	9,44	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
18	22120219	Mai Nhật Nam	9,6	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
19	22120238	Nguyễn Minh Nguyên	9,74	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
20	22120246	Nguyễn Đình Nhân	9,53	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
21	22120248	Nguyễn Trọng Nhân	9,8	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
22	22120256	Ma Thanh Nhi	9,65	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
23	22120263	Nguyễn Thành Phát	9,53	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
24	22120301	Nguyễn Trung Quốc	9,66	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
25	22120315	Nguyễn Văn Tài	9,86	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
26	22120368	Phan Thanh Tiến	9,65	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
27	22130029	Nguyễn Hải Đăng	9,82	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	2.964.000	5	14.820.000	Vật lý học
28	22130046	Phạm Nguyễn Thanh Giàu	9,44	Xuất sắc	Tốt	Giỏi	2.717.000	5	13.585.000	Vật lý học
29	22130134	Lâm Tâm Như	9,74	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	2.964.000	5	14.820.000	Vật lý học
30	22130143	Võ Minh Phước	9,09	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	2.964.000	5	14.820.000	Vật lý học
31	22130153	Quách Thiệu Sâm	9,38	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	2.964.000	5	14.820.000	Vật lý học
32	22130165	Nguyễn Văn Long Thành	9,21	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	2.964.000	5	14.820.000	Vật lý học
33	22130103	Trần Nguyễn Anh Minh	9,32	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.648.000	5	18.240.000	Công nghệ vật lý điện tử và tin học
34	22130155	Hoàng Chí Sĩ	9,28	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.648.000	5	18.240.000	Công nghệ vật lý điện tử và tin học
35	22140003	Ngô Quốc An	9,14	Xuất sắc	Tốt	Giỏi	3.344.000	5	16.720.000	Hóa học
36	22140102	Thái Minh Lập	9,27	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.648.000	5	18.240.000	Hóa học
37	22140108	Nguyễn Ngọc Gia Linh	9,02	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.648.000	5	18.240.000	Hóa học

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	ĐTB xét HB (HK2/24-25)	XL HT (HK2/24-25)	XL ĐRL (HK2/24-25)	LOẠI HỌC BỔNG	TIỀN HB/THÁNG (VNĐ)	SỐ THÁNG	TỔNG CỘNG (VNĐ)	NGÀNH
38	22140131	Trần Minh Ngọc	9,01	Xuất sắc	Tốt	Giỏi	3.344.000	5	16.720.000	Hóa học
39	22140150	Dương Hoài Ninh	9,39	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.648.000	5	18.240.000	Hóa học
40	22140161	Trần Minh Phúc	9,24	Xuất sắc	Tốt	Giỏi	3.344.000	5	16.720.000	Hóa học
41	22140186	Trần Nghiêm Thành	9,03	Xuất sắc	Tốt	Giỏi	3.344.000	5	16.720.000	Hóa học
42	22140205	Đào Khánh Thuận	9,31	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.648.000	5	18.240.000	Hóa học
43	22150020	Trần Chí Bảo	8,9	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.344.000	5	16.720.000	Sinh học
44	22150035	Tạ Thị Hằng	9,18	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.648.000	5	18.240.000	Sinh học
45	22150036	Trần Thị Mỹ Hạnh	9,15	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.648.000	5	18.240.000	Sinh học
46	22150067	Lê Nhật Minh	9,55	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.648.000	5	18.240.000	Sinh học
47	22160015	Nguyễn Trần Trọng	9,24	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	2.964.000	5	14.820.000	Địa chất học
48	22170048	Phùng Kim Oanh	9,05	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	2.964.000	5	14.820.000	Khoa học môi trường
49	22170050	Nguyễn Thị Mỹ Phụng	9,14	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	2.964.000	5	14.820.000	Khoa học môi trường
50	22170059	Võ Thị Hồng Thắm	9,02	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	2.964.000	5	14.820.000	Khoa học môi trường
51	22180026	Phạm Vũ Hồ Châu	8,91	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.344.000	5	16.720.000	Công nghệ sinh học
52	22180032	Nguyễn Đăng Chí Cường	8,98	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.344.000	5	16.720.000	Công nghệ sinh học
53	22180123	Phan Vũ Gia Nghi	9,18	Xuất sắc	Tốt	Giỏi	3.344.000	5	16.720.000	Công nghệ sinh học
54	22180124	Võ Hà Phương Nghi	9,06	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.648.000	5	18.240.000	Công nghệ sinh học
55	22180132	Phạm Cao Thanh Nhã	8,95	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.344.000	5	16.720.000	Công nghệ sinh học
56	22180141	Nguyễn Thị Yến Ni	8,91	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.344.000	5	16.720.000	Công nghệ sinh học
57	22180160	Nguyễn Dương Quân	8,89	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.344.000	5	16.720.000	Công nghệ sinh học
58	22180222	Ngô Thảo Uyên	8,99	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.344.000	5	16.720.000	Công nghệ sinh học
59	22190001	Võ Thúy An	8,86	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.344.000	5	16.720.000	Khoa học vật liệu
60	22190038	Ngô Vũ Lê Khoa	9,17	Xuất sắc	Tốt	Giỏi	3.344.000	5	16.720.000	Khoa học vật liệu

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	ĐTB xét HB (HK2/24-25)	XL HT (HK2/24-25)	XL ĐRL (HK2/24-25)	LOẠI HỌC BÔNG	TIỀN HB/THÁNG (VNĐ)	SỐ THÁNG	TỔNG CỘNG (VNĐ)	NGÀNH
61	22190061	Trần Bùi Yến Nhi	8,96	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.344.000	5	16.720.000	Khoa học vật liệu
62	22200019	Lê Phong Cảnh	9,14	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Kỹ thuật điện tử - viễn thông
63	22200041	Nguyễn Bảo Duy	9,32	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Kỹ thuật điện tử - viễn thông
64	22200159	Nguyễn Huyền Thương	9,01	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Kỹ thuật điện tử - viễn thông
65	22200160	Nguyễn Thủy Tiên	9,55	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Kỹ thuật điện tử - viễn thông
66	22200163	Phạm Văn Tín	9,65	Xuất sắc	Tốt	Giỏi	3.410.000	5	17.050.000	Kỹ thuật điện tử - viễn thông
67	22200183	Nguyễn Quốc Việt	9,36	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Kỹ thuật điện tử - viễn thông
68	22210012	Nguyễn Văn Quang	8,38	Giỏi	Tốt	Giỏi	2.717.000	5	13.585.000	Hải dương học
69	22220012	Võ Hoàng Duy	9,14	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	2.964.000	5	14.820.000	Công nghệ kỹ thuật môi trường
70	22220037	Tạ Huỳnh Nhi	8,7	Giỏi	Tốt	Giỏi	2.717.000	5	13.585.000	Công nghệ kỹ thuật môi trường
71	22220039	Trần Huy Nhon	9,33	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	2.964.000	5	14.820.000	Công nghệ kỹ thuật môi trường
72	22230041	Nguyễn Văn Thiêm	9,32	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	2.964.000	5	14.820.000	Kỹ thuật hạt nhân
73	22250001	Huỳnh Phước An	8,6	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.410.000	5	17.050.000	Công nghệ vật liệu
74	22250049	Nguyễn Hoàng Thơ	8,75	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.410.000	5	17.050.000	Công nghệ vật liệu
75	22260001	Lê Tuấn Anh	9,69	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.360.000	5	16.800.000	Vật lý Y khoa
76	22260008	Phạm Tấn Đạt	9,49	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.360.000	5	16.800.000	Vật lý Y khoa
77	22270004	Trần Lệ Yến Chi	8,87	Giỏi	Tốt	Giỏi	2.717.000	5	13.585.000	Kỹ thuật địa chất
78	22280034	Trương Minh Hoàng	9,5	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Khoa học dữ liệu
79	22280037	Nguyễn Thị Xuân Hương	9,6	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Khoa học dữ liệu
80	22280050	Hứa Tuấn Kiệt	9,66	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Khoa học dữ liệu
81	22280055	Lê Thành Nam	9,56	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Khoa học dữ liệu
82	22280097	Mai Thị Hồng Trinh	9,5	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Khoa học dữ liệu
83	22290022	Phạm Thị Nhị	8,9	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	2.717.000	5	13.585.000	Quản lý tài nguyên và môi trường

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	ĐTB xét HB (HK2/24-25)	XL HT (HK2/24-25)	XL ĐRL (HK2/24-25)	LOẠI HỌC BỔNG	TIỀN HB/THÁNG (VNĐ)	SỐ THÁNG	TỔNG CỘNG (VNĐ)	NGÀNH
84	22290026	Lữ Thị Như Quỳnh	8,9	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	2.717.000	5	13.585.000	Quản lý tài nguyên và môi trường
85	23110019	Nguyễn Đỗ Gia Huy	9,24	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Nhóm ngành Toán học, Toán tin, Toán ứng dụng
86	23110020	Nguyễn Nhật Huy	9,16	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Nhóm ngành Toán học, Toán tin, Toán ứng dụng
87	23110038	Nguyễn Trọng Phú	9,18	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Nhóm ngành Toán học, Toán tin, Toán ứng dụng
88	23110041	Tạ Châu Quý	9,17	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Nhóm ngành Toán học, Toán tin, Toán ứng dụng
89	23110117	Lê Công Toàn	9,18	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Nhóm ngành Toán học, Toán tin, Toán ứng dụng
90	23110126	Nguyễn Hoàng Vũ Nguyên	9,49	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Nhóm ngành Toán học, Toán tin, Toán ứng dụng
91	23110131	Lê Thị Ngọc Anh	9,16	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Nhóm ngành Toán học, Toán tin, Toán ứng dụng
92	23110183	Đỗ Lê Tuyết Ly	9,23	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Nhóm ngành Toán học, Toán tin, Toán ứng dụng
93	23120023	Nguyễn Thái Bảo	9,54	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
94	23120069	Nguyễn Trần Quỳnh Như	9,41	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
95	23120075	Trần Đức Quân	9,49	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
96	23120082	Tôn Huỳnh Tấn Sang	9,24	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
97	23120085	Nguyễn Quốc Thắng	9,64	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
98	23120094	Hà Công Thuận	9,21	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
99	23120115	Huỳnh Cung	9,22	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
100	23120173	Khổng Đức Tiến	9,64	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
101	23120175	Huỳnh Thái Toàn	9,43	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	ĐTB xét HB (HK2/24-25)	XL HT (HK2/24-25)	XL ĐRL (HK2/24-25)	LOẠI HỌC BỔNG	TIỀN HB/THÁNG (VNĐ)	SỐ THÁNG	TỔNG CỘNG (VNĐ)	NGÀNH
102	23120195	Lê Hà Thanh Chương	9,18	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
103	23120197	Trà Văn Sỹ	9,42	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
104	23120199	Huỳnh Đức Thịnh	9,64	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
105	23120200	Nguyễn Hưng Thịnh	9,69	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
106	23120201	Nguyễn Thị Trúc Hằng	9,36	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
107	23120232	Lê Thượng Đế	9,89	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
108	23120255	Lê Tấn Hiệp	9,2	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
109	23120294	Lê Chí Hoàng Long	9,19	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
110	23120354	Trịnh Hồ Minh Thắng	9,43	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
111	23122030	Phạm Phú Hòa	9,61	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Trí tuệ nhân tạo
112	23122031	Nguyễn Huy Hoàng	9,56	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Trí tuệ nhân tạo
113	23130003	Lã Trường An	8,96	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	2.717.000	5	13.585.000	Vật lý học
114	23130036	Phạm Thị Hồng Nhung	9,1	Xuất sắc	Tốt	Giỏi	2.717.000	5	13.585.000	Vật lý học
115	23130040	Nguyễn Trọng Quang	9,41	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	2.964.000	5	14.820.000	Vật lý học
116	23130050	Lê Trí Toàn	8,6	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	2.717.000	5	13.585.000	Vật lý học
117	23130104	Nguyễn Thành Đạt	8,6	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	2.717.000	5	13.585.000	Vật lý học
118	23130106	Diệp Thiên Du	9,11	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	2.964.000	5	14.820.000	Vật lý học
119	23130119	Nguyễn Minh Hải	9,51	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	2.964.000	5	14.820.000	Vật lý học
120	23130137	Võ Hoàng Khang	8,89	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	2.717.000	5	13.585.000	Vật lý học
121	23130199	Võ Chúc Phong	8,74	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	2.717.000	5	13.585.000	Vật lý học
122	23137014	Lê Ngọc Khánh Nghi	9,34	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	2.964.000	5	14.820.000	Vật lý học
123	23130030	Trần Thị Cẩm Ly	9,57	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.648.000	5	18.240.000	Công nghệ vật lý điện tử và tin học
124	23130256	Nguyễn Văn Trường	9,64	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.648.000	5	18.240.000	Công nghệ vật lý điện tử và tin học

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	ĐTB xét HB (HK2/24-25)	XL HT (HK2/24-25)	XL ĐRL (HK2/24-25)	LOẠI HỌC BỔNG	TIỀN HB/THÁNG (VNĐ)	SỐ THÁNG	TỔNG CỘNG (VNĐ)	NGÀNH
125	23140001	Phạm Từ Khánh Hưng	9,07	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.648.000	5	18.240.000	Hóa học
126	23140003	Vũ Văn Hoàng	9,07	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.648.000	5	18.240.000	Hóa học
127	23140017	Nguyễn Lê Kha Thi	8,76	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.344.000	5	16.720.000	Hóa học
128	23140023	Nguyễn Phạm Minh Trí	8,78	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.344.000	5	16.720.000	Hóa học
129	23140032	Hoàng Thị Duyên	8,73	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.344.000	5	16.720.000	Hóa học
130	23140123	Nguyễn Phan Thanh Lam	8,82	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.344.000	5	16.720.000	Hóa học
131	23140128	Nguyễn Ngọc Thùy Linh	8,75	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.344.000	5	16.720.000	Hóa học
132	23140182	Trần Anh Quân	8,96	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.344.000	5	16.720.000	Hóa học
133	23140224	Nguyễn Văn Toàn	8,99	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.344.000	5	16.720.000	Hóa học
134	23150009	Nguyễn Phương Dung	8,83	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.344.000	5	16.720.000	Sinh học
135	23150036	Lê Ngọc Minh Thư	8,95	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.344.000	5	16.720.000	Sinh học
136	23150051	Vũ Phi Long	8,95	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.344.000	5	16.720.000	Sinh học
137	23150054	Phạm Hà Anh Thư	8,55	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.344.000	5	16.720.000	Sinh học
138	23150056	Phạm Ngọc Bảo Trân	8,84	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.344.000	5	16.720.000	Sinh học
139	23150061	Nguyễn Hải Anh	8,89	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.344.000	5	16.720.000	Sinh học
140	23150097	Nguyễn Thị Huyền	8,54	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.344.000	5	16.720.000	Sinh học
141	23160011	Phùng Thị Trúc Đào	8,15	Giỏi	Tốt	Giỏi	2.717.000	5	13.585.000	Địa chất học
142	23170008	Lê Nguyễn Bảo Ngọc	9,37	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	2.964.000	5	14.820.000	Khoa học môi trường
143	23170019	Võ Thị Hồng Ánh	9,68	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	2.964.000	5	14.820.000	Khoa học môi trường
144	23170049	Tạ Thị Như Mai	9,59	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	2.964.000	5	14.820.000	Khoa học môi trường
145	23170072	Nguyễn Trần Mai Quỳnh	9,45	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	2.964.000	5	14.820.000	Khoa học môi trường
146	23170074	Hồ Thị Thảo Tâm	9,57	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	2.964.000	5	14.820.000	Khoa học môi trường
147	23180001	Trần Thị Mỹ Tâm	9,36	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.648.000	5	18.240.000	Công nghệ sinh học

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	ĐTB xét HB (HK2/24-25)	XL HT (HK2/24-25)	XL ĐRL (HK2/24-25)	LOẠI HỌC BỔNG	TIỀN HB/THÁNG (VNĐ)	SỐ THÁNG	TỔNG CỘNG (VNĐ)	NGÀNH
148	23180028	Nguyễn Ngọc Trâm	9,18	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.648.000	5	18.240.000	Công nghệ sinh học
149	23180033	Nguyễn Trung Chương	9,36	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.648.000	5	18.240.000	Công nghệ sinh học
150	23180042	Nguyễn Văn Khoa	9,11	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.648.000	5	18.240.000	Công nghệ sinh học
151	23180073	Phạm Thị Tuyết Anh	8,98	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.344.000	5	16.720.000	Công nghệ sinh học
152	23180075	Nguyễn Quốc Bảo	8,99	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.344.000	5	16.720.000	Công nghệ sinh học
153	23180109	Cao Bá Hùng	8,98	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.344.000	5	16.720.000	Công nghệ sinh học
154	23180133	Hồ Trịnh Thảo Ngân	8,99	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.344.000	5	16.720.000	Công nghệ sinh học
155	23180198	Đặng Thị Hà Trang	9,06	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.648.000	5	18.240.000	Công nghệ sinh học
156	23190005	Nguyễn Ngọc Bảo Khánh	8,51	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.344.000	5	16.720.000	Khoa học vật liệu
157	23190079	Nguyễn Thị Thùy Nguyên	9,29	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.648.000	5	18.240.000	Khoa học vật liệu
158	23190122	Phạm Thị Xuân Uyên	8,91	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.344.000	5	16.720.000	Khoa học vật liệu
159	23197004	Nguyễn Phước Huy Long	9,36	Xuất sắc	Tốt	Giỏi	3.344.000	5	16.720.000	Khoa học vật liệu
160	23200015	Hồ Quốc Huy	9,21	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Kỹ thuật điện tử - viễn thông
161	23200023	Nguyễn Đức Lâm	9,18	Xuất sắc	Tốt	Giỏi	3.410.000	5	17.050.000	Kỹ thuật điện tử - viễn thông
162	23200033	Nguyễn Anh Tuấn	9,19	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Kỹ thuật điện tử - viễn thông
163	23200035	Nguyễn Hữu Nhất Vũ	8,97	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.410.000	5	17.050.000	Kỹ thuật điện tử - viễn thông
164	23200141	Đỗ Mỹ Thắm	9,25	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Kỹ thuật điện tử - viễn thông
165	23200148	Phạm Quốc Thịnh	8,93	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.410.000	5	17.050.000	Kỹ thuật điện tử - viễn thông
166	23210011	Cao Mạnh Nhất	8,97	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	2.717.000	5	13.585.000	Hải dương học
167	23220001	Lê Từ Mỹ	9,54	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	2.964.000	5	14.820.000	Công nghệ kỹ thuật môi trường
168	23220049	Hồ Minh Sang	9,01	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	2.964.000	5	14.820.000	Công nghệ kỹ thuật môi trường
169	23230007	Mai Thanh Phúc	8,48	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	2.717.000	5	13.585.000	Kỹ thuật hạt nhân
170	23230011	Lê Hoàng Phúc	9,18	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	2.964.000	5	14.820.000	Kỹ thuật hạt nhân

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	ĐTB xét HB (HK2/24-25)	XL HT (HK2/24-25)	XL ĐRL (HK2/24-25)	LOẠI HỌC BỔNG	TIỀN HB/THÁNG (VNĐ)	SỐ THÁNG	TỔNG CỘNG (VNĐ)	NGÀNH
171	23250026	Nguyễn Sinh Hoàng	8,85	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.410.000	5	17.050.000	Công nghệ vật liệu
172	23250032	Trần Hoàng Khôi	8,96	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.410.000	5	17.050.000	Công nghệ vật liệu
173	23250039	Trần Võ Trà My	8,93	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.410.000	5	17.050.000	Công nghệ vật liệu
174	23260002	Nguyễn Ngọc Phương Dung	9,3	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.360.000	5	16.800.000	Vật lý Y khoa
175	23260052	Âu Trí Viễn	9,57	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.360.000	5	16.800.000	Vật lý Y khoa
176	23270004	Trần Minh Hậu	7,25	Khá	Xuất sắc	Khá	2.470.000	5	12.350.000	Kỹ thuật địa chất
177	23280003	Nguyễn Thị Hoàng Vi	9,32	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Khoa học dữ liệu
178	23280015	Nguyễn Triều Dương	9,5	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Khoa học dữ liệu
179	23280043	Phạm Khang Bình	9,39	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Khoa học dữ liệu
180	23290002	Nguyễn Lê Chánh	9,29	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	2.964.000	5	14.820.000	Quản lý tài nguyên và môi trường
181	23290010	Thân Tấn Tài	8,88	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	2.717.000	5	13.585.000	Quản lý tài nguyên và môi trường
182	23290013	Bồ Nguyễn Kim Thúy	8,61	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	2.717.000	5	13.585.000	Quản lý tài nguyên và môi trường
183	23290075	Trần Minh Tiền	8,88	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	2.717.000	5	13.585.000	Quản lý tài nguyên và môi trường
184	24110007	Phạm Quốc Bình	8,95	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.410.000	5	17.050.000	Nhóm ngành Toán học, Toán tin, Toán ứng dụng
185	24110032	Ngô Hoàng Lực	8,97	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.410.000	5	17.050.000	Nhóm ngành Toán học, Toán tin, Toán ứng dụng
186	24110036	Nguyễn Hoàng My	8,85	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.410.000	5	17.050.000	Nhóm ngành Toán học, Toán tin, Toán ứng dụng
187	24110052	Trần Minh Sang	8,75	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.410.000	5	17.050.000	Nhóm ngành Toán học, Toán tin, Toán ứng dụng
188	24110095	Tô Quang Nhật	8,8	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.410.000	5	17.050.000	Nhóm ngành Toán học, Toán tin, Toán ứng dụng
189	24110102	Hoàng Phương Thảo	8,94	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.410.000	5	17.050.000	Nhóm ngành Toán học, Toán tin, Toán ứng dụng

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	ĐTB xét HB (HK2/24-25)	XL HT (HK2/24-25)	XL ĐRL (HK2/24-25)	LOẠI HỌC BỔNG	TIỀN HB/THÁNG (VNĐ)	SỐ THÁNG	TỔNG CỘNG (VNĐ)	NGÀNH
190	24110112	Ngô Ngọc Thanh Trúc	8,75	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.410.000	5	17.050.000	Nhóm ngành Toán học, Toán tin, Toán ứng dụng
191	24110164	Đặng Phước Hùng	8,76	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.410.000	5	17.050.000	Nhóm ngành Toán học, Toán tin, Toán ứng dụng
192	24110179	Huỳnh Thế Khải	8,86	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.410.000	5	17.050.000	Nhóm ngành Toán học, Toán tin, Toán ứng dụng
193	24110207	Lê Nguyễn Thảo Nguyên	8,71	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.410.000	5	17.050.000	Nhóm ngành Toán học, Toán tin, Toán ứng dụng
194	24110245	Đỗ Hoàng Thịnh	8,97	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.410.000	5	17.050.000	Nhóm ngành Toán học, Toán tin, Toán ứng dụng
195	24120016	Nguyễn Đình Lê Vũ	9,56	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
196	24120040	Dương Hoài Đức	9,48	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
197	24120045	Nguyễn Văn Hạ	9,41	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
198	24120059	Trần Kim Hữu	9,57	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
199	24120102	Đoàn Thanh Nghĩa	9,57	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
200	24120121	Lê Quý Phúc	9,52	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
201	24120144	Dương Ngọc Minh Thư	9,57	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
202	24120170	Phạm Gia Bảo	9,72	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
203	24120177	Cáp Hữu Duy	9,48	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
204	24120182	Phạm Lê Huy Hoàng	9,39	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
205	24120214	Nguyễn Ngọc Phúc	9,55	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
206	24120216	Dương Minh Quân	9,76	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
207	24120232	Nguyễn Văn Toàn	9,54	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
208	24120269	Ngô Viết Thanh Bình	9,78	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
209	24120327	Trịnh Đỗ Minh Huy	9,47	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	ĐTB xét HB (HK2/24-25)	XL HT (HK2/24-25)	XL ĐRL (HK2/24-25)	LOẠI HỌC BỔNG	TIỀN HB/THÁNG (VNĐ)	SỐ THÁNG	TỔNG CỘNG (VNĐ)	NGÀNH
210	24120359	Trần Tuấn Kiệt	9,62	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
211	24120402	Trần Thành Nhân	9,46	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
212	24120486	Trần Nhật Trường	9,33	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
213	24122002	Đinh Như Phát	9,7	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Trí tuệ nhân tạo
214	24122015	Mai Hoàng Hiệp	9,56	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Trí tuệ nhân tạo
215	24130018	Lê Hữu Hoàng	8,9	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	2.717.000	5	13.585.000	Vật lý học
216	24130051	Lê Quang Minh	9,49	Xuất sắc	Tốt	Giỏi	2.717.000	5	13.585.000	Vật lý học
217	24130055	Phạm Hoàng Nam	9,51	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	2.964.000	5	14.820.000	Vật lý học
218	24130086	Nguyễn Hoàng Thanh Uyên	9,05	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	2.964.000	5	14.820.000	Vật lý học
219	24130122	Huỳnh Ngọc Thanh	9,16	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	2.964.000	5	14.820.000	Vật lý học
220	24130147	Nguyễn Trần Nhiên Đăng	9,08	Xuất sắc	Tốt	Giỏi	2.717.000	5	13.585.000	Vật lý học
221	24130176	Nguyễn Thanh Hiền	9,38	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	2.964.000	5	14.820.000	Vật lý học
222	24130158	Phan Minh Đức	9,53	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.648.000	5	18.240.000	Công nghệ bán dẫn
223	24130270	Phan Phước Toàn	9,65	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.648.000	5	18.240.000	Công nghệ bán dẫn
224	24130040	Võ Anh Khoa	9,21	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.648.000	5	18.240.000	Công nghệ vật lý điện tử và tin học
225	24130195	Trần Phước Huy	9,22	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.648.000	5	18.240.000	Công nghệ vật lý điện tử và tin học
226	24140001	Thân Tú Đan	9,27	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.648.000	5	18.240.000	Hóa học
227	24140002	Nguyễn Đức Hiên	9,27	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.648.000	5	18.240.000	Hóa học
228	24140003	Nguyễn Lê Huy Hoàng	9,31	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.648.000	5	18.240.000	Hóa học
229	24140004	Thái Hoàng Tiến	9,26	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.648.000	5	18.240.000	Hóa học
230	24140005	Lê Anh Trung	9,35	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.648.000	5	18.240.000	Hóa học
231	24140157	Lê Minh Luân	9,09	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.648.000	5	18.240.000	Hóa học
232	24140185	Nguyễn Hoàng Phát	9,36	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.648.000	5	18.240.000	Hóa học

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	ĐTB xét HB (HK2/24-25)	XL HT (HK2/24-25)	XL ĐRL (HK2/24-25)	LOẠI HỌC BỔNG	TIỀN HB/THÁNG (VNĐ)	SỐ THÁNG	TỔNG CỘNG (VNĐ)	NGÀNH
233	24140189	Nguyễn Đức Phú	9,2	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.648.000	5	18.240.000	Hóa học
234	24140207	Cô Hoài Thịnh	9,16	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.648.000	5	18.240.000	Hóa học
235	24150028	Lê Chí Huyền	8,18	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.344.000	5	16.720.000	Sinh học
236	24150075	Nguyễn Như Quỳnh	8,83	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.344.000	5	16.720.000	Sinh học
237	24150116	Võ Minh Khiêm	8,09	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.344.000	5	16.720.000	Sinh học
238	24150119	Nguyễn Hoàn Tuyết Nhi	8,62	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.344.000	5	16.720.000	Sinh học
239	24150121	Nguyễn Huỳnh Quốc Thanh	8,56	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.344.000	5	16.720.000	Sinh học
240	24150184	Trần Thị Thanh Nhân	8,77	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.344.000	5	16.720.000	Sinh học
241	24150189	Lê Đặng Hoàng Oanh	8,5	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.344.000	5	16.720.000	Sinh học
242	24150215	Đào Thụy Nam Tiên	8,13	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.344.000	5	16.720.000	Sinh học
243	24160037	Huỳnh Tiến Thanh	9,02	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	2.964.000	5	14.820.000	Địa chất học
244	24170004	Nguyễn Khánh Đan	9,15	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	2.964.000	5	14.820.000	Khoa học môi trường
245	24170045	Nguyễn Gia Bảo	7,93	Khá	Xuất sắc	Khá	2.470.000	5	12.350.000	Khoa học môi trường
246	24170049	Nguyễn Ngọc Bảo Châu	8,31	Giỏi	Khá	Khá	2.470.000	5	12.350.000	Khoa học môi trường
247	24170068	Nguyễn Văn Hậu	8,16	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	2.717.000	5	13.585.000	Khoa học môi trường
248	24170070	Nguyễn Văn Hiếu	8,11	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	2.717.000	5	13.585.000	Khoa học môi trường
249	24170094	Lê Nguyễn Gia Lâm	9,06	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	2.964.000	5	14.820.000	Khoa học môi trường
250	24170156	Nguyễn Huỳnh Cẩm Tú	8,64	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	2.717.000	5	13.585.000	Khoa học môi trường
251	24180003	Phan Nhật Trường	9,48	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.648.000	5	18.240.000	Công nghệ sinh học
252	24180018	Nguyễn Vũ Mai Ly	8,96	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.344.000	5	16.720.000	Công nghệ sinh học
253	24180039	Phạm Đặng Hoàng Trân	9,31	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.648.000	5	18.240.000	Công nghệ sinh học
254	24180041	Nguyễn Thị Ngọc Tuyền	8,89	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.344.000	5	16.720.000	Công nghệ sinh học
255	24180104	Võ Quang Hiền	9,16	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.648.000	5	18.240.000	Công nghệ sinh học

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	ĐTB xét HB (HK2/24-25)	XL HT (HK2/24-25)	XL ĐRL (HK2/24-25)	LOẠI HỌC BỔNG	TIỀN HB/THÁNG (VNĐ)	SỐ THÁNG	TỔNG CỘNG (VNĐ)	NGÀNH
256	24180110	Bùi Gia Xuân Hồng	8,98	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.344.000	5	16.720.000	Công nghệ sinh học
257	24180118	Nguyễn Huỳnh Khang	9,33	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.648.000	5	18.240.000	Công nghệ sinh học
258	24180214	Trần Cát Tường Vi	8,91	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.344.000	5	16.720.000	Công nghệ sinh học
259	24190034	Vương Huỳnh Minh Phương	8,3	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.344.000	5	16.720.000	Khoa học vật liệu
260	24190059	Nguyễn Hinh Biên Giới	8,1	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.344.000	5	16.720.000	Khoa học vật liệu
261	24190123	Nguyễn Ngọc Quỳnh	7,92	Khá	Xuất sắc	Khá	3.040.000	5	15.200.000	Khoa học vật liệu
262	24190139	Lê Thị Huyền Thương	8,41	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.344.000	5	16.720.000	Khoa học vật liệu
263	24190150	Nguyễn Xuân Trường	8,11	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.344.000	5	16.720.000	Khoa học vật liệu
264	24190157	Võ Hoàng Vũ	7,96	Khá	Xuất sắc	Khá	3.040.000	5	15.200.000	Khoa học vật liệu
265	24200047	Lưu Gia Bảo	8,95	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.410.000	5	17.050.000	Kỹ thuật điện tử - viễn thông
266	24200127	Nguyễn Hải Minh	8,89	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.410.000	5	17.050.000	Kỹ thuật điện tử - viễn thông
267	24200149	Đoàn Thanh Phúc	9,03	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Kỹ thuật điện tử - viễn thông
268	24200154	Nguyễn Minh Quân	9,09	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Kỹ thuật điện tử - viễn thông
269	24200185	Lê Mạnh Thanh Thùy	8,99	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.410.000	5	17.050.000	Kỹ thuật điện tử - viễn thông
270	24200124	Nguyễn Hồ Duy Mạnh	9,61	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Thiết kế vi mạch
271	24200151	Nguyễn Ích Quốc Phương	9,51	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Thiết kế vi mạch
272	24210017	Võ Thành Hiếu	8,31	Giỏi	Khá	Khá	2.470.000	5	12.350.000	Hải dương học
273	24210020	Trần Đức Anh	7,96	Khá	Khá	Khá	2.470.000	5	12.350.000	Hải dương học
274	24220003	Võ Ngọc Kim Dung	8,99	Giỏi	Tốt	Giỏi	2.717.000	5	13.585.000	Công nghệ kỹ thuật môi trường
275	24220014	Nguyễn Thị Thu Uyên	9,44	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	2.964.000	5	14.820.000	Công nghệ kỹ thuật môi trường
276	24220017	Đỗ Thị Tường Vy	9,48	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	2.964.000	5	14.820.000	Công nghệ kỹ thuật môi trường
277	24220107	Mai Nguyễn Minh Thơ	8,79	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	2.717.000	5	13.585.000	Công nghệ kỹ thuật môi trường
278	24220113	Nguyễn Dạ Hoài Thương	8,86	Giỏi	Tốt	Giỏi	2.717.000	5	13.585.000	Công nghệ kỹ thuật môi trường

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	ĐTB xét HB (HK2/24-25)	XL HT (HK2/24-25)	XL ĐRL (HK2/24-25)	LOẠI HỌC BỔNG	TIỀN HB/THÁNG (VNĐ)	SỐ THÁNG	TỔNG CỘNG (VNĐ)	NGÀNH
279	24220130	Bùi Hữu Vinh	8,58	Giỏi	Tốt	Giỏi	2.717.000	5	13.585.000	Công nghệ kỹ thuật môi trường
280	24230023	Lê Đức Anh Tuấn	9,35	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	2.964.000	5	14.820.000	Kỹ thuật hạt nhân
281	24230033	Trần Thị Thu Hương	8,38	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	2.717.000	5	13.585.000	Kỹ thuật hạt nhân
282	24250005	Đoàn Trung Hiếu	9,08	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Công nghệ vật liệu
283	24250009	Đào Nguyễn Ngân Khánh	9,09	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Công nghệ vật liệu
284	24250034	Nguyễn Võ Thành Danh	9,14	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Công nghệ vật liệu
285	24250076	Phạm Hoàn Mỹ	9,01	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Công nghệ vật liệu
286	24260004	Phạm Thị Lành	8,71	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.080.000	5	15.400.000	Vật lý Y khoa
287	24260034	Nguyễn Văn Anh Khôi	8,88	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.080.000	5	15.400.000	Vật lý Y khoa
288	24260051	Đặng Diễm Quỳnh	8,95	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.080.000	5	15.400.000	Vật lý Y khoa
289	24270006	Lâm Bá Khang	8,34	Giỏi	Tốt	Giỏi	2.717.000	5	13.585.000	Kỹ thuật địa chất
290	24280030	Trần Ngọc Các Uyên	9,56	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Khoa học dữ liệu
291	24280038	Nguyễn Đăng Nhân	9,91	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Khoa học dữ liệu
292	24280046	Võ Quỳnh Ý	9,65	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Khoa học dữ liệu
293	24280080	Nguyễn Diệu Lê	9,75	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Khoa học dữ liệu
294	24290001	Lê Bảo Anh	7,99	Khá	Khá	Khá	2.470.000	5	12.350.000	Quản lý tài nguyên và môi trường
295	24290008	Lý Xuân Mai	8,33	Giỏi	Tốt	Giỏi	2.717.000	5	13.585.000	Quản lý tài nguyên và môi trường
296	24290011	Ngô Ngọc Ngân	8,22	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	2.717.000	5	13.585.000	Quản lý tài nguyên và môi trường
297	24290039	Nguyễn Huỳnh Thùy Duyên	8,17	Giỏi	Tốt	Giỏi	2.717.000	5	13.585.000	Quản lý tài nguyên và môi trường
298	24290055	Trần Thị Quỳnh Lam	7,83	Khá	Tốt	Khá	2.470.000	5	12.350.000	Quản lý tài nguyên và môi trường